

CHÚ THÍCH TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN MẪU 03/TNDN

[1] Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng. Riêng đối với kỳ tính thuế đầu tiên đối với doanh nghiệp mới thành lập và kỳ tính thuế cuối cùng đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Cụ thể: ghi rõ kỳ tính thuế từ ngày đầu tiên của năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (đối với doanh nghiệp mới thành lập) đến ngày kết thúc năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp được xác định phù hợp với kỳ kế toán.

Ví dụ kỳ tính thuế áp dụng theo năm dương lịch thì ghi: Năm 2022 từ 01/01/2022 đến 31/12/2022.

(Căn cứ khoản 2 Điều 3 Thông tư 78/2014/TT-BTC).

[2] Đánh dấu X vào ô này nếu người nộp thuế khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) lần đầu trong kỳ tính thuế (mà chưa khai bổ sung).

[3] Ghi tên của ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất trong kỳ tính thuế.

[4] Ghi tỷ lệ doanh thu của ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất trong kỳ tính thuế.

[5] Điền tên người nộp thuế theo thông tin đăng ký doanh nghiệp (cụ thể là theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương).

[6] Điền mã số thuế của người nộp thuế theo thông tin đăng ký thuế.

[7] Tại chỉ tiêu [8], [9] và [10]: Ghi tên đại lý thuế, mã số thuế đại lý thuế, thông tin hợp đồng đại lý thuế trong trường hợp người nộp thuế khai thuế qua đại lý thuế.

[8] kê khai toàn bộ các điều chỉnh về doanh thu hoặc chi phí được ghi nhận theo chế độ kế toán, nhưng không phù hợp với quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (được sửa đổi,

bổ sung năm 2013, năm 2014 và năm 2020), làm tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN của cơ sở kinh doanh. Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các Chỉ tiêu từ [B2] đến [B7].

[9] Kế khai toàn bộ các khoản điều chỉnh dẫn đến giảm lợi nhuận trước thuế đã được phản ánh trong hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các Chỉ tiêu từ [B9] đến [B12].

[10] Kế khai toàn bộ các khoản doanh thu được hạch toán trong Báo cáo Kết quả kinh doanh năm nay của cơ sở kinh doanh nhưng đã đưa vào doanh thu để tính thuế TNDN của các năm trước (**Ví dụ:** trường hợp người nộp thuế bán hàng và đã xuất hoá đơn trong năm trước nhưng giao hàng trong năm nay).

[11] Kế khai toàn bộ chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra các khoản doanh thu điều chỉnh tăng đã ghi vào chỉ tiêu [B2].

[12] Kế khai các khoản điều chỉnh khác ngoài các khoản điều chỉnh đã nêu tại các chỉ tiêu từ [B9] đến [B11] dẫn đến giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN.

[13] Kế khai thu nhập chịu thuế TNDN thực hiện được trong kỳ tính thuế chưa trừ số lỗ phát sinh trong các năm trước được chuyển và lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong kỳ tính thuế, được xác định theo công thức: $[B13] = [A1] + [B1] - [B8]$.

[14] Kế khai thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác, được xác định bằng số liệu trên Chỉ tiêu [B14].

[15] Thu nhập tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước theo quy định.

[16] Chỉ tiêu [C5] này tương ứng với Chỉ tiêu [05] trên Phụ lục 03-6/TNDN (quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC).

[17] Kế khai thu nhập tính thuế từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam hoặc từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không ưu đãi khác áp dụng mức thuế suất khác 20%.

[18] Kế khai thuế suất (%) đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác các mỏ tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm trừ dầu khí) là 50%. Trường hợp các mỏ tài nguyên quý hiếm có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn

thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Chính phủ áp dụng thuế suất thuế TNDN là 40%.

[19] Khai số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần của nước ký kết hiệp định với Việt Nam.

[20] Khai số thuế TNDN phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong kỳ tính thuế được tính theo thuế suất không ưu đãi, chưa trừ số thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ.

[21] Không kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.

[22] Trường hợp người nộp thuế là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.

[23] Khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).

[24] Không kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.

[25] Khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước của hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.

[26] Tại Chỉ tiêu G2, G4, G5: Khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào ngân sách nhà nước tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.

[27] Khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước của hoạt động chuyển nhượng bất động sản chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.

[28] Tại Chỉ tiêu [G5] và [H3] Khai số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).